

## THÔNG BÁO

### Về việc xét tuyển vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở và UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026)

Căn cứ Kế hoạch số 2358/KH-SNV ngày 09/4/2026 của Sở Nội vụ về xét tuyển vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở và UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội.

Sở Nội vụ thông báo việc xét tuyển vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở và UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026), như sau:

#### I – CHỈ TIÊU, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

1. Chỉ tiêu tuyển dụng: 67 chỉ tiêu (Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo)

##### 2. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch;
- Đang cư trú tại Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lý lịch rõ ràng;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

##### 3. Người không được đăng ký dự tuyển công chức

- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

##### 4. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

a) Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên (không quá 30 tuổi) tính đến thời điểm nộp phiếu dự tuyển;

- Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên (không quá 30 tuổi) tính đến thời điểm nộp phiếu dự tuyển và thuộc một trong các trường hợp đạt thành tích cá nhân sau:

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, được học tại cơ sở giáo dục trong nước, trong độ tuổi theo quy định của Chính phủ (dưới 47 tuổi) về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tính đến thời điểm nộp phiếu dự tuyển.

b) Trình độ chuyên môn: Yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành đào tạo phù hợp theo từng vị trí việc làm (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

c) Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ Ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo yêu cầu của vị trí việc làm.

## **5. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức**

Việc ưu tiên trong xét tuyển công chức được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, bao gồm:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người

hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành;

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành.

Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm xét nghiệp vụ chuyên ngành.

## **II - PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN PHIẾU**

### **1. Đăng ký dự tuyển**

Người đăng ký xét tuyển vào công chức: Nộp 01 Phiếu đăng ký dự xét tuyển (theo mẫu quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP) vào vị trí việc làm tại cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng; kèm theo các thành phần hồ sơ thể hiện việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện là sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và đối tượng ưu tiên (nếu có).

### **2. kê khai phiếu đăng ký dự tuyển**

- Người đăng ký dự tuyển công chức phải khai đúng, đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong phiếu. Các nội dung khai trong phiếu phải đầy đủ, chính xác từ các giấy tờ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tính đến trước thời điểm chốt nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Phiếu điền không đầy đủ thông tin bắt buộc trong phiếu được coi là phiếu không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển.

- Đối với các trường hợp là đối tượng ưu tiên theo quy định thì các giấy tờ ưu tiên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Thí sinh phải kê khai đối tượng ưu tiên trong Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp kê khai bỏ sung sau khi hết hạn nộp hồ sơ sẽ không được tính cộng điểm ưu tiên theo quy định.

- Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển được đăng tải tại mục thông tin tuyển dụng của Sở Nội vụ tại địa chỉ website: [sonoivu.hanoi.gov.vn](http://sonoivu.hanoi.gov.vn)

- Sau khi có thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan Sở Nội vụ thành phố Hà Nội để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có) theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

### **3. Thời gian, hình thức nộp phiếu dự tuyển**

3.1. Thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký xét tuyển vào công chức là 30 ngày, từ ngày 13/4/2026 đến 17h ngày 12/5/2026.

3.2. Hình thức nộp phiếu dự tuyển:

- Nộp Phiếu đăng ký dự tuyển trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Hà Nội; thời gian nhận phiếu: Buổi sáng từ 08h00 đến 11h30; Buổi chiều từ 13h30 đến 17h00 từ ngày 13/4/2026 đến ngày 12/5/2026 (trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định).

Lưu ý: Người dự tuyển đến nộp trực tiếp phải xuất trình Căn cước công dân. Trường hợp cá nhân khác đi nộp hộ cá nhân đăng ký dự tuyển thì phải xuất trình giấy ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.

- Nộp phiếu đăng ký dự tuyển công chức trực tuyến tại địa chỉ: [https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.html?ma\\_thu\\_tuc=1.014113](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.html?ma_thu_tuc=1.014113);

### **4. Lệ phí dự tuyển**

Lệ phí tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Căn cứ Thông báo danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng công chức của Thành phố thông báo thời gian, địa điểm, cách thức nộp lệ phí trước khi tổ chức tuyển dụng.

Thí sinh phải nộp đủ lệ phí dự tuyển theo đúng thời hạn thông báo của Hội đồng tuyển dụng mới được tham gia dự tuyển. Trường hợp thí sinh đăng ký nhưng không tham gia xét tuyển, Hội đồng tuyển dụng không trả lại phiếu đăng ký dự tuyển và lệ phí dự tuyển.

## **III - HÌNH THỨC, NỘI DUNG XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC; XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC**

### **1. Hình thức, nội dung xét tuyển công chức**

Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ điều kiện thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

1.2. Vòng 2: Xét nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức: Vấn đáp

Việc tổ chức thi vấn đáp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức.

b) Nội dung: Kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ; đánh giá về năng lực: tư duy, giao tiếp, phán đoán tình huống, học hỏi, phát triển, diễn đạt, thái độ, tính cách và các năng lực khác theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

c) Thời gian: 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi vấn đáp);

d) Thang điểm: 100 điểm.

## **2. Thời gian, địa điểm tổ chức xét tuyển công chức**

- Thời gian tổ chức xét tuyển (*Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm*)

- Địa điểm tổ chức xét tuyển: Hội đồng tuyển dụng công chức sẽ thông báo tới người dự tuyển sau.

## **3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức**

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại mục 5 phần I nêu trên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm 3.1 nêu trên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.

3.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

## **IV. HOÀN THIỆN HỒ SƠ TUYỂN DỤNG**

1. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày danh sách trúng tuyển được công khai trên trang website: [sonoivu.hanoi.gov.vn](http://sonoivu.hanoi.gov.vn), người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng nộp cho Sở Nội vụ Hà Nội. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ (không bao gồm chứng chỉ tin học, ngoại ngữ) theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tại Thông báo tuyển dụng;

b) Bản sao thành phần hồ sơ thể hiện là sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước.

c) Bản sao chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

d) Hợp đồng lao động; xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm (*đối với trường hợp người trúng tuyển vào công chức có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm theo quy định tại Điều 20 Nghị định 170/2025/NĐ-CP hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành*)

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định

để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong 01 kỳ tuyển dụng tiếp theo.

## V - CÁC LƯU Ý KHI NỘP PHIẾU DỰ TUYỂN

Hội đồng tuyển dụng công chức tiến hành thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện xét tuyển công chức; thông báo triệu tập thí sinh dự xét tuyển; thời gian, địa điểm tổ chức xét tuyển; kết quả xét tuyển và các thông tin khác (nếu có) tại địa chỉ website của Sở Nội vụ: [sonoivu.hanoi.gov.vn](http://sonoivu.hanoi.gov.vn).

Các thí sinh đã nộp phiếu đăng ký tuyển dụng công chức có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về xét tuyển vào công chức tại địa chỉ nêu trên.

Trên đây là Thông báo xét tuyển vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở và UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026), trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ (Phòng Tuyển dụng và Đào tạo) để báo cáo, giải quyết theo thẩm quyền./.

### Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT TT UBND TP Dương Đức Tuấn;
- Các sở, cơ quan tương đương sở;  
UBND xã, phường (có chỉ tiêu xét tuyển công chức);
- Giám đốc Sở Nội vụ;
- PGĐ SNV: Đinh Mạnh Hùng; Nguyễn Mạnh Quân;  
Nguyễn Xuân Lường.
- Sở Nội vụ: TDĐT, SBN, XDCQ, VP;
- Báo Hà Nội mới (để đăng tải);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công  
(để phối hợp).
- Ban biên tập website: [sonoivu.hanoi.gov.vn](http://sonoivu.hanoi.gov.vn)  
(để đăng công khai)
- Lưu: VT, TDĐT<sub>(Thảo)</sub>



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Long**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ NỘI VỤ

**PHỤ LỤC I**  
**CHỈ TIÊU, VỊ TRÍ VIỆC LÀM, YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC**  
**LÀM VIỆC TẠI CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ; UBND XÃ, PHƯỜNG THUỘC UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (ĐỢT 1 NĂM 2026)**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày 09/4/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội)*

| STT      | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc                                                    | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng           |             |                                                                                                                                                                                                                  |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                                                |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng             | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm                                                                              |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                               | <b>67</b>                                             |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>A</b> | <b>KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH</b>                                                                     | <b>29</b>                                             |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>1</b> | <b>Văn phòng UBND Thành phố</b>                                                                | <b>3</b>                                              |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| 1.1      | Phòng Tổng hợp                                                                                 | 1                                                     | Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành | Chuyên viên | Đại học, ngành: Tài chính – Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật; Tài chính – Thương mại quốc tế; Kinh tế; Hành chính; Quản lý kinh tế; Lưu trữ Quản trị văn phòng; Chính sách công, Báo chí; Bảo hiểm; Kiến trúc. |
| 1.2      | Phòng Nội chính                                                                                | 1                                                     | Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành | Chuyên viên | Đại học, ngành: Luật; Kinh tế; Quan hệ quốc tế; Quản lý công; Công nghệ thông tin; Chính trị; Báo chí; Chính trị học; Thông tin thư viện.                                                                        |
| 1.3      | Phòng Khoa giáo - Văn xã                                                                       | 1                                                     | Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quản lý hành chính công; Kinh tế; Quản lý nhà nước; Báo chí; Kỹ sư nông nghiệp; Y khoa; Quản trị kinh doanh quốc tế; Công nghệ thông tin; Luật; Văn hóa; Kinh tế.                                |
| <b>2</b> | <b>Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>                                                            | <b>4</b>                                              |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
|          | <b>Khối Văn phòng Sở</b>                                                                       |                                                       |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| 2.1      | Phòng Quản lý Chất thải rắn                                                                    | 2                                                     | Chuyên viên quản lý môi trường                | Chuyên viên | Đại học, ngành: Môi trường; Quản lý tài nguyên và Môi trường.                                                                                                                                                    |
|          | <b>Khối Chi cục và tương đương</b>                                                             |                                                       |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| 2.2      | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thú y Hà Nội : Phòng Quản lý Giống, Thức ăn chăn nuôi, Thuốc Thú y | 1                                                     | Chuyên viên về Quản lý Chăn nuôi              | Chuyên viên | Đại học, ngành: Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y                                                                                                                                                                       |
| 2.3      | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội                                                   | 1                                                     | Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin    | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin; Tin học Quản trị mạng.                                                                                                                                                      |
| <b>3</b> | <b>Sở Xây dựng</b>                                                                             | <b>11</b>                                             |                                               |             |                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.1      | Phòng Phát triển đô thị                                                                        | 2                                                     | Chuyên viên Quản lý kiến trúc                 | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quản lý đô thị; Kiến trúc                                                                                                                                                                        |
| 3.2      | Phòng Quản lý hạ tầng cấp thoát nước                                                           | 2                                                     | Cấp, thoát nước                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kỹ thuật Cấp thoát nước; Kỹ thuật nước - Môi trường nước; Kỹ thuật tài nguyên nước                                                                                                               |
| 3.3      | Phòng Phát triển công nghệ                                                                     | 2                                                     | Chuyên viên Quản lý công nghệ thông tin       | Chuyên viên | Đại học, ngành: An toàn thông tin; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Quản lý đô thị thông minh; Kỹ thuật và quản lý xây dựng đô thị thông minh; Hạ tầng giao thông đô thị thông minh.   |
|          |                                                                                                | 1                                                     | Chuyên viên Quản lý an toàn thông tin mạng    | Chuyên viên | Đại học, ngành: An toàn thông tin; Công nghệ thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin.                                                                                               |
| 3.4      | Phòng Tài chính - Đầu tư                                                                       | 1                                                     | Chuyên viên Quản lý kiến trúc                 | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kiến trúc; Quản lý đô thị                                                                                                                                                                        |
|          |                                                                                                | 1                                                     | Chuyên viên về Quản lý quy hoạch xây dựng     | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quản lý xây dựng; Quản lý đô thị                                                                                                                                                                 |

| STT      | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc                           | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng                                                                                                |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                       |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng                                                                                                  | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3.5      | Phòng Quản lý đường sắt đô thị                                        | 2                                                     | Chuyên viên Quản lý vận tải (Vận tải đường sắt, thăm định dự án và vận hành đường sắt đô thị)                                      | Chuyên viên | Đại học; ngành (chuyên ngành): Kỹ thuật cơ khí động lực (Đầu máy toa xe, kỹ thuật máy động lực, tàu điện Metro, toa xe); Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (kỹ thuật xây dựng đường sắt đô thị, kỹ thuật xây dựng cầu hầm, kỹ thuật xây dựng Đường hầm-Metro Công trình giao thông công chính)                                                                       |
| <b>4</b> | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>                                       | <b>5</b>                                              |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4.1      | Phòng Kinh tế số và Xã hội số                                         | 2                                                     | Chuyên viên về Quản lý giao dịch điện tử                                                                                           | Chuyên viên | Đại học, ngành:<br>- Máy tính và công nghệ thông tin: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin.<br>- Công nghệ kỹ thuật: Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 4.2      | Phòng Đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ                              | 2                                                     | Chuyên viên về Sở hữu trí tuệ                                                                                                      | Chuyên viên | Đại học, ngành: Luật, Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kiến trúc và Xây dựng; Nông, Lâm và Thủy sản; Khoa học Vật chất.                                                                                                                                                                                               |
| 4.3      | Phòng Chiến lược và Chính sách                                        | 1                                                     | Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số) | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>5</b> | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                                         | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 5.1      | Văn phòng Sở                                                          | 1                                                     | Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin                                                                                         | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin; Máy tính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>6</b> | <b>Sở Y tế</b>                                                        | <b>2</b>                                              |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 6.1      | Phòng Nghiệp vụ Dược Sở Y tế                                          | 1                                                     | Chuyên viên về Dược                                                                                                                | Chuyên viên | Đại học trở lên, ngành Dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6.2      | Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội                  |                                                       |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Phòng Dân số                                                          | 1                                                     | Chuyên viên về Dân số                                                                                                              | Chuyên viên | Đại học trở lên ngành Y (Bác sĩ, Y tế công cộng, Y học dự phòng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>7</b> | <b>Sở Quy hoạch - Kiến trúc</b>                                       | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 7.1      | Phòng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật                                      | 1                                                     | Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật                                                                                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật cấp thoát nước.                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>8</b> | <b>Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố</b> | <b>2</b>                                              |                                                                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 8.1      | Phòng Khoa học và Công nghệ                                           | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo                                                                     | Chuyên viên | Đại học, ngành: Khoa học sự sống; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ (kỹ thuật) hóa học; vật liệu, luyện kim và môi trường; Khoa học vật liệu; Quản lý Khoa học và Công nghệ.                                                                                                                                        |
| 8.3      | Phòng Hợp tác và Đầu tư                                               | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý đầu tư                                                                                                      | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quản lý đầu tư, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT      | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng                                                                                   |             |                                                                                                                                                                                             |
|----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                             |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng                                                                                     | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm                                                         |
| <b>C</b> | <b>KHỐI XÃ, PHƯỜNG</b>                      | <b>38</b>                                             |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| <b>1</b> | <b>Phường Ngọc Hà</b>                       | <b>1</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 1.1      | Phòng Văn hoá - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                         |
| <b>2</b> | <b>Phường Vĩnh Tuy</b>                      | <b>2</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 2.1      | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị            | 1                                                     | Phát triển đô thị và hạ tầng đô thị; môi trường                                                                       | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kiến trúc; Xây dựng; Quy hoạch.                                                                                                                                             |
| 2.2      | Phòng Văn hóa - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin, Tin học                                                                                                                                                |
| <b>3</b> | <b>Phường Đồng Đa</b>                       | <b>1</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 3.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số; | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ sư tin học.                                                                                                                                         |
| <b>4</b> | <b>Phường Kim Liên</b>                      | <b>2</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 4.1      | Phòng Văn hoá - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Điện tử - Tin học; Công nghệ thông tin; Tin học.                                                                                                                            |
| 4.2      | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị            | 1                                                     | Chuyên viên lĩnh vực công thương: quản lý tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp; thương mại                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kinh tế; Thương mại; Quản trị kinh doanh; Tài chính.                                                                                                                        |
| <b>5</b> | <b>Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám</b>       | <b>3</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 5.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ sư tin học.                                                                                                                                         |
| 5.2      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị            | 1                                                     | Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước                                                              | Chuyên viên | Đại học, ngành: Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ môi trường, Kỹ thuật môi trường, Địa lý - tài nguyên môi trường                                            |
|          |                                             | 1                                                     | Chuyên viên lĩnh vực công thương: quản lý tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp; thương mại                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kinh tế; Quản trị kinh doanh.                                                                                                                                               |
| <b>6</b> | <b>Phường Láng</b>                          | <b>4</b>                                              |                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                             |
| 6.1      | Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị            | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý quy hoạch, xây dựng, kiến trúc                                                                 | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quy hoạch đô thị; Kiến trúc; Xây dựng dân dụng - công nghiệp; Quản lý đô thị; quản lý đất đai; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đối với vị trí quy hoạch quản lý, xây dựng, kiến trúc |
|          |                                             | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng                                          | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quy hoạch đô thị, Kinh tế xây dựng, Kinh tế đầu tư                                                                                                                          |
| 6.2      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 2                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                         |

| STT       | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng                                                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                             |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng                                                                                                                                                | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm                                                                                                                                               |
| <b>7</b>  | <b>Phường Hoàng Mai</b>                     | <b>2</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7.1       | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số                                                             | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                               |
| 7.2       | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị            | 1                                                     | Phát triển đô thị và hạ tầng đô thị; môi trường                                                                                                                                  | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kiến trúc công trình                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>8</b>  | <b>Phường Định Công</b>                     | <b>2</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 8.1       | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số                                                             | Chuyên viên | Đại học, ngành: công nghệ thông tin; Tin học; Khoa học máy tính.                                                                                                                                                                                                                  |
| 8.2       | Phòng Văn hóa - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số                                                             | Chuyên viên | Đại học, ngành: công nghệ thông tin; Tin học; Khoa học máy tính.                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>9</b>  | <b>Phường Khương Đình</b>                   | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 9.1       | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị            | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý quy hoạch, xây dựng, kiến trúc                                                                                                                            | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>10</b> | <b>Phường Nghĩa Đô</b>                      | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 10.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số                                                             | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>11</b> | <b>Phường Long Biên</b>                     | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 11.1      | Phòng Văn hóa - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính | Chuyên viên | Đại học, ngành: Luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>12</b> | <b>Phường Hà Đông</b>                       | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 12.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                                            | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>13</b> | <b>Phường Dương Nội</b>                     | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 13.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                                            | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý hoặc các ngành, chuyên ngành liên quan đến chuyển đổi số, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo. |
| <b>14</b> | <b>Phường Phú Lương</b>                     | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT       | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng                                                                                                                                                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                             |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng                                                                                                                                                   | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm                                                                                                                                                |
| 14.1      | Phòng Văn hoá - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính    | Chuyên viên | Đại học, ngành: Hành chính học, Quản lý công                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>15</b> | <b>Phường Kiến Hưng</b>                     | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 15.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý; hoặc các ngành, chuyên ngành liên quan đến chuyển đổi số, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo. |
| <b>16</b> | <b>Xã Ba Vì</b>                             | <b>5</b>                                              |                                                                                                                                                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 16.1      | Phòng Kinh tế                               | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị                                                                                        | Chuyên viên | Đại học, ngành: Đầu tư - Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng                                                                                                                                                                                                                               |
|           |                                             | 1                                                     | Chuyên viên lĩnh vực công thương: quản lý tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp; thương mại                                                                                             | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kinh tế, kỹ thuật, các chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực công thương: Thương mại điện tử, Thương mại                                                                                                                                                 |
|           |                                             | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo                                | Chuyên viên | Đại học, ngành: Nông nghiệp: Nông học, Bảo vệ thực vật, Khuyến nông, Kỹ thuật môi trường                                                                                                                                                                                           |
| 16.2      | Phòng Văn hóa - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                                                                          | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ - Kỹ thuật; Các ngành, chuyên ngành công nghệ mới: AI, Big Data, IoT, Chuyển đổi số, Công nghệ phần mềm.                                                                                                                                                 |
| 16.3      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>17</b> | <b>Xã Hòa Lạc</b>                           | <b>3</b>                                              |                                                                                                                                                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 17.1      | Phòng Kinh tế                               | 2                                                     | Chuyên viên về quản lý quy hoạch, xây dựng, kiến trúc                                                                                                                               | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quy hoạch, Kiến trúc, Kỹ thuật hạ tầng đô thị                                                                                                                                                                                                                      |
|           |                                             |                                                       | Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị                                                                                        | Chuyên viên | Đại học, ngành: Xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng đô thị                                                                                                                                                                                                                                  |
| 17.2      | Phòng Văn hóa - Xã hội                      | 1                                                     | Chuyên viên lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, vưu chính, ứng dụng CNTT, giao dịch điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>18</b> | <b>Xã Thuận An</b>                          | <b>4</b>                                              |                                                                                                                                                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT       | Các phòng chuyên môn;<br>cơ quan trực thuộc | Tổng số chỉ<br>tiêu đăng ký<br>xét tuyển<br>công chức | Vị trí việc làm, yêu cầu tuyển dụng                                                                                                                  |             |                                                                                                                                     |
|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                             |                                                       | Vị trí việc làm<br>cần tuyển dụng                                                                                                                    | Ngạch       | Đối tượng quy định tại điểm a mục 4 phần I Thông báo, có trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm |
| 18.1      | Phòng Văn hoá - Xã hội                      | 1                                                     | Ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số                                                | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                 |
| 18.2      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                 |
| 18.3      | Phòng Kinh tế                               | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị                                                         | Chuyên viên | Đại học, ngành: Kỹ thuật xây dựng, Quản lý đô thị và công trình                                                                     |
|           |                                             | 1                                                     | Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo | Chuyên viên | Đại học, ngành, chuyên ngành nông nghiệp                                                                                            |
| <b>19</b> | <b>Xã Vĩnh Thanh</b>                        | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                      |             |                                                                                                                                     |
| 19.1      | Văn phòng HĐND và UBND                      | 1                                                     | Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số;                                | Chuyên viên | Đại học, ngành: Công nghệ thông tin                                                                                                 |
| <b>20</b> | <b>Phường Hoàng Liệt</b>                    | <b>1</b>                                              |                                                                                                                                                      |             |                                                                                                                                     |
| 1         | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị            | 1                                                     | Chuyên viên về phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị                                                                                            | Chuyên viên | Đại học, ngành: Quy hoạch đô thị, Kinh tế xây dựng, Kinh tế đầu tư; Quản lý đất đai                                                 |